

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HS-ST**
Ngày 09 – 3 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đương và bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/ TLST - HS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q; sinh ngày: 21/5/1988 tại thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H- đã chết và con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tháng 3/2007 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 8/2008 xuất ngũ. Bản án số 21/2012/HSST ngày 27/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh HD xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2014, tháng 8/2012 thi hành xong án phí. Bản án số 12/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện NG, tỉnh HD xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/3/2018, thi hành xong án phí tháng 7/2016.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/11/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

2. Vũ Minh T, sinh ngày: 16/3/1973 tại tổ A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Nguyên Đ (đã chết) và con bà Vũ Thị H, sinh năm 1950; vợ Vũ Thị T, sinh năm 1973 và có 01 con sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 7/12 thì nghỉ học, lao động tại địa phương. Ngày 10/01/1991, Công an huyện P bắt và lập danh chỉ bản số 000007277 về hành vi trộm cắp tài sản của công dân. Kết quả xác minh: Công an huyện P, tỉnh Thái Bình không lưu trữ hồ sơ xử phạt, không xử lý hành vi của T liên quan đến danh chỉ bản số 000007277 về việc trộm cắp tài sản của công dân.

- Bản án số 16/1994/HSST ngày 21/9/1994 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”, tháng 4/2010 chấp hành xong bản án.

- Bản án số 18/1995/HSST ngày 14/9/1995 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” của bản án sơ thẩm số 16 ngày 21/9/1994, tổng hợp hình phạt của 02 bản án là 21 tháng tù. Bản án số 82/1995/HSPT ngày 17/11/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/1996; ngày 14/11/2008 T được miễn thi hành án khoản tiền án phí.

- Bản án số 231/1998/HSST ngày 19/11/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”, 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 03 năm tù; được đặc xá tha tù trước thời hạn 02/9/2000; ngày 14/11/2008 T được miễn thi hành án khoản tiền án phí.

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 08/01/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành phố Thái Bình, thời gian 12 tháng, do nghiện ma túy; ngày 10/01/2009 chấp hành xong.

- Bản án số 61/2011/HSST ngày 02/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xử phạt 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2015, tháng 3/2012 thi hành xong án phí.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/11/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Bị hại:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989,

Nơi cư trú: Thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình

(có mặt các bị cáo Q, T; vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Q và Nguyễn Văn H, sinh năm 1993, trú tại thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình là bạn. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/10/2020, H đến nhà rủ Q đi ăn đêm nên Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 34M7 - 8645 mượn của chị gái là Phạm Thị Nchở H đi. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/10/2020, sau khi ăn xong, Q điều khiển xe chở H về nhà. Theo Q khai, trên đường về, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên H nói với Q: “*Nhà bà T1 Lư không có ai ở nhà, anh em mình vào xem có tài sản gì thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu*”, Q đồng ý, chở H đến nhà Bùi Thị T1, sinh năm 1967, trú tại thôn V, xã QH, huyện P. Q dừng xe cách cổng nhà bà T1 khoảng 30 mét rồi cả hai xuống xe. H nói “*Để em vào lấy đồ, anh đứng ngoài đợi em*”. Sau đó, H trèo qua tường bao cao khoảng 01 mét vào phía sau nhà bà T1, sau khoảng 30 phút mở cổng đi ra, hai tay bê 01 máy lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser kích thước (110 x 30 x 30) cm đi đến chỗ Q đứng, đặt máy xuống đường rồi tiếp tục quay vào nhà bà T1. Khoảng 05 phút sau, H đi ra, hai tay bê 01 máy làm mát không khí nhãn hiệu Eroporative air cooler, kích thước 90 x 60 x 40) cm đặt lên yên xe và ngồi phía sau ôm. Q điều khiển xe mô tô chở H và máy làm mát không khí đi đến nghĩa trang thôn L, xã QH1 cách nhà bà T1 khoảng 05 km để cất giấu. Sau đó, cả hai đi xe mô tô quay lại chở máy lọc nước đến quán của Vũ Minh T, sinh năm 1973, ở thôn C, xã QH1 để bán. Lúc này khoảng 01 giờ 45 phút cùng ngày, Q gọi T ra mở cửa và nói với T: “*Anh có mua máy lọc nước và quạt nước không?*”. T trả lời: “*Chúng mày cứ khiêng vào đây cho anh*”. H bê máy lọc nước từ yên xe xuống, đặt trong quán nhà T. Q nói với T: “*Còn cái quạt nước nữa bọn em để ngoài kia, để bọn em chở nốt về*”. Sau đó, cả hai đi xe mô tô đến nghĩa trang thôn L, xã QH1 chở chiếc máy làm mát không khí về để ở cửa hàng nhà T. Trong lúc ngồi uống nước tại nhà T, T hỏi Q: “*Đồ này chúng mày trộm cắp ở đâu?*”, Q nói: “*Đồ này bọn em trộm bên HD*”. T nói với Q và H: “*Chúng mày cứ về đi,*

bây giờ anh chưa có tiền, mai anh đưa cho". Q, H đồng ý và cùng nhau ra về. T đóng cửa đi ngủ tiếp. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, H đi đến cửa hàng của T và nói: *"Anh cho em xin tiền máy lọc nước và quạt nước"*. Do trước đó, T đã thử nên biết máy lọc nước còn sử dụng được, máy làm mát không khí đã hỏng nên T bảo H: *"Anh trả mày 700.000 đồng cái máy lọc nước, còn quạt nước hỏng rồi anh không mua"*. H đồng ý và gửi chiếc máy làm mát không khí tại đó. T đưa cho H 700.000 đồng. H cầm tiền ra về và sau đó bỏ đi khỏi địa phương.

Ngày 31/10/2020, anh Nguyễn Văn H có đơn trình báo gửi Công an huyện P đề nghị giải quyết. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã triệu tập Phạm Văn Q và Vũ Minh T lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q và T đã khai nhận toàn bộ nội dung như trên, đồng thời, T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 máy lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser và 01 máy làm mát không khí Eroporative Air Cooler đã mua của Q ngày 31/10/2020.

Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: *Máy lọc nước và máy làm mát không khí có giá trị 9.890.000 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó, máy lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser có giá trị 6.920.000 đồng, chiếc máy làm mát không khí Eroporative Air Cooler có giá trị 2.970.000 đồng.*

Bản cáo trạng số 12/CT- VKSQP ngày 21/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Văn Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Vũ Minh T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên toà: Bà kiểm sát viên thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn Q và Vũ Minh T như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Minh T từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Q, T.

Về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng: đã giải quyết xong nên không xem xét. Về án phí: Bị cáo Q, T pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn Q thừa nhận đã lén lút lấy các tài sản nêu trên và nhất trí với nội dung bản cáo trạng và bị cáo không có ý kiến gì khác. Bị cáo Vũ Minh T đã thừa nhận có biết tài sản đó là do Q trộm cắp mà vẫn tiêu thụ

Bị hại anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã có lời khai với nội dung: “*Không có yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị cáo Q*” và anh H đã nhận lại máy lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser, chiếc máy làm mát không khí Eroporative Air Cooler và không đề nghị gì.

Lời nói sau cùng bị cáo Q, T ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội:* Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời khai tại phiên tòa và phù hợp với chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại: anh Nguyễn Văn H (Bút lục số: 01, 195 - 200); Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P lập ngày 31/10/2020 và do bị cáo tự mô tả (Bút lục số 03 - 04); Biên bản tạm giữ đồ vật do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P lập hồi 18 giờ 15 phút ngày 31/10/2020 tại trụ sở Công an huyện P, tỉnh Thái Bình, hồi 11 giờ ngày 15/11/2020 tại nhà ở của chị Phạm Thị N ở thôn T, xã TQ, huyện NG, tỉnh HD (Bút lục số 06, 06a); Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P (Bút lục số: 14);

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 31/10/2020, tại nhà ở của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình, bị cáo Phạm Văn Q đã có hành vi trộm cắp của anh H 01 máy

lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser và 01 máy làm mát không khí Eroporative Air Cooler. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 9.890.000 đồng (*Chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*) rồi mang bán cho bị cáo Vũ Minh T. Mặc dù biết rõ các tài sản trên là do Q trộm cắp mà có nhưng T vẫn mua chiếc máy lọc nước với giá 700.000 đồng. Do đó bị cáo Phạm Văn Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Minh T đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Điều 323 Bộ luật Hình sự: Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] *Về tính chất và mức độ nguy hiểm:* Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Q thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh H được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an khu vực xảy ra tội phạm. Hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo Q phạm tội mà có của bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, bên cạnh đó còn gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Q và T không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự. Riêng bị cáo Q có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về nhân thân*: Bị cáo Q có nhân thân xấu đã bị 02 lần Tòa án kết án vào các năm 2012 và 2016. Bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án kết án 04 lần vào các năm 1994, 1995, 1998, 2011 và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính vào năm 2008.

[7] *Về hình phạt chính*: Do các bị cáo Phạm Văn Q và Vũ Minh T cố ý phạm tội do đó mức đề nghị của bà Kiểm sát viên về hình phạt tù đối với bị cáo Q, T là tương xứng với hành vi phạm tội của của các bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q, T để các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Q, T tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q, T.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc máy lọc nước nhãn hiệu Bamboo RO Water Dispenser và chiếc máy làm mát không khí Eroporative Air Cooler cho anh Nguyễn Văn H. Anh H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

[10] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 34M7 – 8645 mà Phạm Văn Q đã dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe là chị Phạm Thị Ninh, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã TQ, huyện NG, tỉnh HD (là chị gái của Q). Chị Ninh không biết Q đã sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại chiếc xe cho chị Ninh. Chị Ninh đã nhận lại chiếc xe mô tô trên và không yêu cầu, đề nghị gì.

[11] Đối với Nguyễn Văn H: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập H lên làm việc nhưng hiện tại H không có mặt tại địa phương nên chưa lấy được lời khai của H. Đến nay, chỉ có duy nhất lời khai của Phạm Văn Q khai đã cùng H thực hiện hành vi trộm cắp. Vũ Minh T khai chỉ biết việc Q và H đến bán tài sản, không biết H có cùng Q trộm cắp các tài sản trên hay không. Ngoài ra, Cơ quan điều tra chưa thu thập được các tài liệu nào khác chứng minh việc H đã cùng Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[12] *Tại phiên tòa:* Bị cáo Q, T thừa nhận hành vi phạm tội đúng với nội dung bản cáo trạng đã công bố và không có ý kiến tranh luận gì đối với lời luận tội của Kiểm sát viên.

[13] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Q, T pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Q, T và anh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh T phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/11/2020)

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T **01 (một) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/11/2020)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn Q và Vũ Minh T mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 3 năm 2021). Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình (báo cáo);
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình
- Công an huyện P;
- Viện kiểm sát ND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã QH;
- UBND Thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huy Hoàng
(Đã ký)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi....giờ ... ngày 09 tháng 3 năm 2021

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Đương và bà Nguyễn Thị Huệ

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS, ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q; sinh ngày: 21/5/1988 tại thôn V, xã QH, huyện P, tỉnh Thái Bình;

2. Vũ Minh T, sinh ngày: 16/3/1973 tại tổ A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Tuyên bố bị cáo Vũ Minh T phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/11/2020);

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T **01 (một)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 06/11/2020).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn Q và Vũ Minh T mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn Q, Vũ Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 3 năm 2021). Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 3 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng

